

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đàm;

Bà Hà Thị Bàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tố Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐ-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thanh Q

Địa chỉ: Thôn SH, xã NL, thị xã NL, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Ông Trần Khánh H

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái.

Hiện có thông tin đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan .

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thanh Q trình bày:

Bà Trần Thanh Q và ông Trần Khánh H kết hôn với nhau vào ngày 08/3/2011, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn

YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan, cuộc sống vợ chồng xa cách, đến nay thì ông H cắt đứt mọi liên lạc với gia đình, cố tình giấu địa chỉ, bà Q cũng không biết địa chỉ hiện nay của ông H, hỏi gia đình ông H thì giấu không cho địa chỉ. Đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể khắc phục được bà Q đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Khánh H.

Về con chung: Bà Trần Thanh Q và ông Trần Khánh H có 01 con chung là cháu Trần Anh Q1, sinh ngày 06/01/2012, nguyện vọng của cháu Q1 đề nghị được ở với mẹ. Khi ly hôn, bà Q đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là ông Trần Khánh H vắng mặt, bà Trần Thanh Q không thể cung cấp được địa chỉ hiện nay của ông Trần Khánh H tại Đài Loan, Tòa án đã đề nghị mẹ đẻ ông H là bà Chu Thị B (trú tại: Tổ 2, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái) cung cấp địa chỉ của ông H thì bà B thông tin là hiện nay ông H vẫn đang ở Đài Loan, vẫn liên lạc với gia đình và bà B cũng đã thông tin việc ly hôn cho ông H biết, nhưng bà B cũng không cung cấp địa chỉ hiện nay của ông H. Tòa án đi thu thập chứng cứ về địa chỉ hiện nay của ông H, nhưng không có kết quả điều đó thể hiện là bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy vụ án được giải quyết theo thủ tục chung. Đến ngày 09 tháng 12 năm 2022, trên cơ sở đề nghị của bà Q đề nghị Tòa án tiến hành thông báo công khai thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng và đề nghị ông H về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn trong ba số liên tiếp, nhưng đến nay ông H vẫn không về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hoặc gửi giấy tờ, tài liệu, lời khai để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh Q được ly hôn ông Trần Khánh H;

- Về con chung: Bà Trần Thanh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Anh Q1, sinh ngày 06/01/2012 và ông Trần Khánh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, để tìm kiếm địa chỉ hiện nay của ông Trần Khánh H, Tòa án đã áp dụng các biện pháp để tìm kiếm, gửi Công văn hỏi Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, đi xác minh tại Công an xã nơi quản lý hộ khẩu của ông H, thông qua thân nhân của ông H là bà Chu Thị B thì được biết là hiện nay ông H vẫn ở Đài Loan, vẫn liên hệ thường xuyên với người nhà, bà B đã thông tin cho ông H biết tin về việc bà Q xin ly hôn, nhưng cũng không cung cấp địa chỉ của ông H, căn cứ vào hướng dẫn của Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Bà Trần Thanh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Trần Thanh Q:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh Q và ông Trần Khánh H có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thanh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn ông Trần Khánh H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Q và ông H đã mâu thuẫn thể hiện là sau khi ông H đi xuất khẩu lao động, đã không còn liên lạc với bà Q và cũng giấu cả địa chỉ nơi mình đang sinh sống, điều đó thể hiện đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thanh Q xin ly hôn ông Trần Khánh H.

Về con chung: Bà Trần Thanh Q và ông Trần Khánh H có 01 con chung là cháu Trần Anh Q1, sinh ngày 06/01/2012. Xét thấy, sau khi ông H đi lao động ở nước ngoài, cháu Q1 do bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Q1 mong muốn được ở với mẹ, vì vậy cần giao con chung cho bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thanh Q không yêu cầu ông Trần Khánh H phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về lệ phí tố tụng: Bà Trần Thanh Q phải chịu tiền lệ phí tố tụng về việc yêu cầu Tòa án thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng (được xác định theo hóa đơn, chứng từ của Đài Truyền thanh Trung ương và Báo công lý).

[4] Về án phí: Bà Trần Thanh Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh Q được ly hôn ông Trần Khánh H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Anh Q1, sinh ngày 06/01/2012 cho bà Trần Thanh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Ông Trần Khánh H không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về lệ phí tố tụng: Bà Trần Thanh Q phải chịu 6.000.000 đồng tiền lệ phí đăng thông tin trên Báo và Đài phát thanh Trung ương (xác nhận đã nộp đủ).

4. Về án phí: Bà Trần Thanh Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003333 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (bà Q đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm công khai, bà Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; ông Trần Khánh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được công khai trên Báo và Đài truyền thanh trung ương theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND thị trấn YB, huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân

